

TÁC ĐỘNG CỦA NHẬP CƯ ĐẾN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM

HUỲNH TRƯỜNG HUY*

Nghiên cứu này nhằm cung cấp một phân tích về tác động của nhập cư đến thị trường lao động tại 63 tỉnh/thành của VN thông qua nguồn dữ liệu thống kê trong giai đoạn 2005-2010. Cụ thể hơn, nó kiểm định các giả thuyết kinh tế, đó là: Nhập cư ảnh hưởng như thế nào đến thất nghiệp và tiền lương tại nơi đến. Kết quả phân tích cho thấy tác động của nhập cư đến thị trường lao động khá đa dạng và phụ thuộc vào các yếu tố khác như đô thị hóa, và đặc điểm vùng miền. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ ra một số điểm quan trọng liên quan đến thực thi chính sách trong quá trình phát triển kinh tế.

Từ khóa: Nhập cư, thị trường lao động, thất nghiệp, tiền lương, đô thị hóa.

1. Giới thiệu

Sự tăng dần của những dòng lao động nhập cư - chủ yếu từ nông thôn đến thành thị trở thành hiện tượng thường thấy ở các quốc gia có nền kinh tế đang phát triển hoặc chuyển đổi, như VN. Từ lâu, hiện tượng này đã trở thành đối tượng nghiên cứu không những trong lĩnh vực kinh tế phát triển, mà còn trong lĩnh vực xã hội, tâm lý. Cụ thể, giữa thập niên 50 của thế kỷ trước, Lewis (1954) đã giải thích về xu hướng di cư lao động từ nông thôn đến thành thị nhằm giải thoát lực lượng lao động nông nghiệp dư thừa ở khu vực nông thôn và đồng thời đáp ứng nhu cầu lao động ngày càng tăng trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp ở khu vực thành thị. Sau này, một vài lý thuyết kinh tế ra đời nhằm giải thích và phân tích những dòng di cư lao động quốc tế (điển hình như Borjas, 1989; Lee, 1966; Massey và cộng sự, 1993).

Dòng lao động nhập cư là một bộ phận quan trọng góp phần vào sự tăng dân số và lực lượng lao động (số lượng và chất lượng) đối với nơi tiếp nhận lao động nhập cư (gọi tắt là nơi đến). Theo báo cáo về thực trạng di cư nội địa ở VN của Tổng cục Thống kê (VGSO), xu hướng di cư giữa các tỉnh tăng mạnh trong hai thập niên gần đây, từ 1,3 triệu

người năm 1989 đến 2 triệu năm 1999 và 3,4 triệu năm 2009. Hầu hết những trường hợp di cư này liên quan đến vấn đề việc làm và sinh kế (VGSO, 2010). Thực trạng di cư lao động tăng dần sẽ tác động ít nhiều đến thị trường lao động (việc làm, tiền lương) và những vấn đề xã hội (nhà ở, giao thông, y tế, giáo dục, tội phạm) tại những nơi đến.

Ảnh hưởng của lao động nhập cư đối với thị trường lao động ở nơi đến đã được xác định và phân tích dưới các góc độ khác nhau. Hai yếu tố quan trọng nhất của thị trường lao động thường được xem xét đó là tỉ lệ thất nghiệp và tiền lương. Borjas (1986) cho rằng lao động nhập cư sẽ ảnh hưởng đến thị trường lao động thông qua sự tăng nguồn cung lao động, kết quả là sẽ gây ra hiện tượng thất nghiệp đối với lao động địa phương tại nơi đến. Các bằng chứng thực nghiệm của Todaro (1969) cũng chỉ ra rằng khu vực thành thị thường duy trì tỉ lệ thất nghiệp cao hơn so với khu vực nông thôn. Đây là một trong các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định di cư của một cá nhân. Ở một góc độ khác, sự tăng dân số gắn liền với dòng lao động nhập cư cũng tạo ra cơ hội việc làm tại nơi đến như dịch vụ cho thuê nhà, ăn uống, giữ trẻ, giải trí ... Về tiền lương, lao động nhập cư có thể ảnh hưởng làm tăng hoặc giảm tiền lương của lao động địa phương

(Orrenius & Zavodny, 2007), phụ thuộc vào mức độ thay thế giữa lao động nhập cư và lao động địa phương, và các nhân tố khác.

Có thể nhận thấy rằng tác động của lao động nhập cư đến thị trường lao động ở nơi đến khá đa dạng. Điều này phụ thuộc vào bối cảnh cụ thể, riêng biệt của từng địa bàn nghiên cứu. Hơn nữa, lao động nhập cư không phải là nhóm ngẫu nhiên trong tổng dân số cho nên mức độ ảnh hưởng của lực lượng lao động này đến thị trường lao động cũng không giống nhau giữa các nghiên cứu được thực hiện ở mỗi nơi khác nhau (Borjas, 2006). Vì vậy, nghiên cứu về mối quan hệ giữa lao động nhập cư và thị trường lao động ở nơi đến vẫn còn là vấn đề tiếp tục được khai thác và tranh luận.

Đến nay, những nghiên cứu về mối quan hệ này đối với VN dường như không nhiều, do thiếu dữ liệu tổng hợp hàng năm về di cư. Vì vậy, mục đích chính của nghiên cứu này là phân tích tác động của lao động nhập cư đến thị trường lao động ở các nơi đến của VN trong giai đoạn 2005-2010. Cụ thể hơn, phân tích mối quan hệ giữa lao động nhập cư và thất nghiệp, tiền lương tại 63 tỉnh/thành của VN. Mục 2 giới thiệu mô hình ước lượng và vấn đề liên quan đến kinh tế lượng. Mục 3 trình bày dữ liệu được sử dụng và mô tả thống kê về dữ liệu. Mục 4 trình bày kết quả phân tích về tác động của nhập cư đến thị trường lao động. Cuối cùng, một vài kết luận và gợi ý chính sách được chỉ ra ở Mục 5.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để ước lượng tác động của dòng nhập cư đến thị trường lao động ở nơi đến, một mô hình hồi quy đơn giản có thể được sử dụng và có dạng tổng quát như sau (Borjas và cộng sự, 1996).

- Tác động đối với tiền lương

$$\ln W_i = \alpha IMM_i + \beta UNE_i + \delta Z_i + e_i \quad (1)$$

- Tác động đối với thất nghiệp

$$UNE_i = \alpha IMM_i + \delta Z_i + e_i \quad (2)$$

Trong đó, UNE_i là tỉ lệ thất nghiệp, W_i là tiền lương bình quân của lao động, IMM_i là dòng nhập cư, Z_i là yếu tố địa phương, và e_i là sai số ước lượng.

Phương trình (1) và (2) có thể tạo ra một hệ phương trình nội sinh (endogeneity) và liên quan đến một số vấn đề về kinh tế lượng như sau: Thứ

nhất, dòng nhập cư không phải là nhóm dân số ngẫu nhiên và chỉ là một bộ phận trong dân số của nơi đến. Nếu chỉ sử dụng số liệu về dòng nhập cư để ước lượng thì sẽ dẫn đến sai lệch về quy mô dân số giữa những nơi đến. Vì vậy, một biến thay thế có thể được sử dụng để khắc phục điểm yếu này đó là tỉ lệ nhập cư vào nơi đến (kí hiệu: IMM). Thứ hai, sử dụng phương pháp ước lượng bình phương bé nhất (OLS) để ước lượng có thể không phù hợp nếu như các giả định của phương pháp này không được thỏa mãn, ví dụ như biến phụ thuộc phải có phân phối chuẩn. Cho nên, kiểm định về phân phối chuẩn trước khi ước lượng là rất cần thiết. Nếu như giả thuyết về phân phối chuẩn bị bác bỏ thì chúng ta sẽ sử dụng một trong số các dạng chuyển đổi để phù hợp với phân phối của biến phụ thuộc (Chatterjee & Hadi, 2006).

Dữ liệu của các yếu tố ở phương trình (2) có dạng dữ liệu bảng. Tác động của nhập cư đến tỉ lệ thất nghiệp tại nơi đến có thể được thể hiện dưới dạng phương trình như sau:

$$UNE_{it} = \alpha_{it} + \beta_{it} IMM_{it} + \gamma_{it} URB_{it} + u_{it} \\ i = \overline{1...63}, t = \overline{2005...2010} \quad (3)$$

Phương trình (3) cho phép các hệ số ước lượng thay đổi theo đặc điểm của quan sát (i) và theo thời gian (t) (Cameron, 2005).

Hiện tượng yếu tố nội sinh có thể xuất hiện trong phương trình (3) nếu như hai yếu tố IMM và URB có tương quan với nhau, vì mức độ đô thị hóa cao phần nào được giải thích bởi dòng nhập cư. Vì vậy, phương pháp ước lượng biến trung gian sẽ được sử dụng. Hay nói cách khác, yếu tố nhập cư sẽ tác động đến tình trạng thất nghiệp thông qua yếu tố đô thị hóa, khi đó $\hat{\gamma} < \gamma$.

$$UNE_{it} = \alpha_{it} + \hat{\gamma}_{it} URB_{it}^* + u_{it} \quad (4a)$$

$$URB_{it} = \alpha'_{it} + \beta_{it} IMM_{it} + u'_{it} \quad (4b)$$

Tuy nhiên, đối với một phân khúc thị trường lao động có trình độ cao thì mối quan hệ giữa nhập cư và thất nghiệp thường không rõ ràng; bởi vì hầu hết lực lượng lao động này có môi trường và điều kiện làm việc khá ổn định so với đa số lực lượng lao động có kỹ năng thấp trên thị trường.

3. Mô tả dữ liệu

Nghiên cứu chủ yếu dựa vào nguồn dữ liệu thống kê và báo cáo nghiên cứu đã được công bố của Tổng cục Thống kê. Trong đó, dữ liệu về tỉ lệ nhập cư trong tổng dân số (IMM), đô thị hóa [1] (URB), và tỉ lệ thất nghiệp (UNE) được thu thập từ 2005-2010. Tiền lương bình quân hàng tháng của lao động làm công ăn lương (W) chỉ thể hiện ở năm 2010.

Thông tin thống kê được trình bày ở Bảng 1 cho thấy tỉ lệ nhập cư giữa các tỉnh/thành trong cả nước có xu hướng tăng dần, trung bình từ 4,2‰ năm 2005 đến 7,4‰ năm 2010. Trong số đó, vùng Đông Nam Bộ với tỉ lệ nhập cư cao nhất (24,8‰) so với các vùng khác ở VN; đáng chú ý Bình Dương, Đồng Nai và TP.HCM được xem là những nơi đến hấp dẫn nhất đối với người nhập cư, do có nhiều cơ hội sinh kế tại các nơi đến này.

Theo lí thuyết và nghiên cứu thực nghiệm về di cư, những dòng nhập cư đóng vai trò quan trọng làm tăng dân số ở các khu vực thành thị. Dựa vào số liệu thống kê ở VN, Bảng 1 cũng cho thấy mức độ đô thị hóa dường như tăng dần song song với tỉ lệ nhập cư. Cụ thể, chỉ số này tăng từ 23,5% năm 2005 lên 25,6% năm 2010; riêng trường hợp của Hà Nội mức đô thị hóa giảm dần do việc xác nhập tỉnh Hà Tây [2]. Hơn nữa, số liệu thống kê cũng thể hiện rằng những dòng người nhập cư có xu hướng đến những tỉnh/thành có cơ hội sinh kế tốt hơn (thu nhập), đồng thời cũng là nơi có tỉ lệ thất nghiệp cao hơn mức trung bình của cả nước (phù hợp với lập luận của Todaro, 1969). Theo số liệu điều tra về lao động và việc làm năm 2011 thì Đà Nẵng, TP.HCM,

Bảng 1. Thống kê về nhập cư và thị trường lao động của 63 tỉnh/thành

Tỉnh/thành	Tỉ lệ nhập cư		Đô thị hóa		Tỉ lệ thất nghiệp		Tiền lương*
	2005	2010	2005	2010	2005	2010	2010
	(‰)	(‰)	(%)	(%)	(%)	(%)	(1.000 đồng/tháng)
Hà Nội	13,8	10,8	65,3	41,3	5,0	2,7	3.129
Vĩnh Phúc	2,5	4,8	14,4	22,9	4,7	1,1	2.145
Bắc Ninh	5,3	9,8	16,2	23,9	4,7	1,8	2.431
Quảng Ninh	3,6	3,7	48,4	52,0	4,7	2,6	3.103
Hải Dương	3,1	5,0	15,8	19,1	4,5	1,8	2.620
Hải Phòng	4,1	7,0	40,8	46,2	4,7	3,3	2.261
Hưng Yên	6,8	6,5	11,0	12,3	4,7	1,6	2.539
Thái Bình	5,8	2,7	7,5	9,7	4,7	2,7	2.218
Hà Nam	2,3	4,1	8,0	10,5	4,5	1,2	2.300
Nam Định	1,9	4,1	15,3	17,8	4,7	2,2	2.228
Ninh Bình	3,6	5,9	15,6	17,9	4,7	1,7	2.309
Hà Giang	0,6	1,9	11,4	14,4	4,8	1,0	2.872
Cao Bằng	4,2	4,7	14,7	17,0	5,0	1,0	2.725
Bắc Kạn	4,3	4,6	15,3	16,1	4,6	1,4	2.499
Tuyên Quang	2,8	2,8	11,2	13,1	4,9	1,6	2.416
Lào Cai	1,2	3,7	20,6	21,3	4,6	1,2	2.867
Yên Bái	2,3	3,4	19,7	19,5	4,7	1,8	2.335
Thái Nguyên	5,9	11,5	24,0	26,0	4,7	2,1	2.341
Lạng Sơn	1,2	3,0	18,9	19,1	4,5	1,0	2.578
Bắc Giang	2,4	3,0	9,0	9,4	4,6	1,1	2.685
Phú Thọ	2,6	2,4	15,1	15,9	4,6	0,7	2.361
Điện Biên	2,6	3,6	16,1	15,0	4,6	1,1	3.196

Lai Châu	1,1	3,5	13,1	14,2	4,7	0,4	2.640
Sơn La	1,4	2,0	12,7	14,0	4,6	0,7	3.056
Hoà Bình	3,7	3,8	15,4	15,0	4,5	1,0	2.410
Thanh Hoá	2,3	6,8	9,9	10,5	4,6	1,7	2.130
Nghệ An	2,7	2,7	11,5	12,9	4,8	1,9	2.534
Hà Tĩnh	6,4	4,7	12,4	15,0	4,6	2,9	3.122
Quảng Bình	2,6	2,4	13,9	15,1	4,7	2,4	2.442
Quảng Trị	2,3	5,6	25,8	28,4	4,7	3,8	2.394
Thừa Thiên - Huế	4,8	8,3	33,2	39,8	4,6	4,7	2.244
Đà Nẵng	8,6	29,8	83,8	87,0	5,1	6,2	2.553
Quảng Nam	2,2	4,9	17,0	19,0	4,6	2,5	2.248
Quảng Ngãi	0,6	2,3	14,3	14,6	4,5	1,4	2.526
Bình Định	1,6	6,0	26,1	27,7	4,5	2,4	2.257
Phú Yên	2,7	2,5	20,5	23,3	4,5	3,0	2.014
Khánh Hoà	2,6	3,7	38,4	44,5	4,8	4,0	2.148
Ninh Thuận	1,1	2,9	30,4	36,0	6,2	3,1	1.854
Bình Thuận	3,1	4,2	35,5	39,0	4,7	3,2	2.039
Kon Tum	4,7	6,7	33,0	34,0	4,9	1,1	2.775
Gia Lai	2,9	3,7	27,2	29,4	4,7	1,2	2.450
Đắk Lắk	4,3	6,9	22,1	24,6	4,6	2,8	2.603
Đắk Nông	11,4	7,3	14,6	14,9	4,5	0,6	2.607
Lâm Đồng	7,6	8,6	38,2	38,0	4,9	2,8	2.300
Bình Phước	4,6	10,3	16,2	16,8	4,7	2,1	2.341
Tây Ninh	2,6	3,3	14,9	15,6	4,7	2,4	2.079
Bình Dương	27,2	89,6	30,1	31,7	4,8	2,8	2.502
Đồng Nai	3,0	27,2	32,0	33,4	4,7	2,1	2.325
Bà Rịa - Vũng Tàu	8,7	13,3	46,4	50,1	5,0	3,6	2.726
TP.HCM	19,1	26,2	82,6	83,3	5,1	5,2	3.305
Long An	2,6	5,5	17,0	17,6	4,8	3,5	2.190
Tiền Giang	5,2	9,0	13,5	13,9	4,7	2,8	1.854
Bến Tre	2,0	2,2	9,3	10,0	5,0	3,1	1.955
Trà Vinh	2,0	5,0	14,3	15,4	4,9	3,2	1.722
Vĩnh Long	2,4	4,2	14,9	15,4	4,7	4,5	1.930
Đồng Tháp	2,3	4,1	16,0	17,8	4,6	3,9	1.850
An Giang	1,4	3,6	25,4	28,4	4,6	3,7	1.814
Kiên Giang	3,4	5,8	24,8	26,9	5,2	2,6	2.344
Cần Thơ	5,1	9,8	49,9	66,0	4,8	3,1	2.118
Hậu Giang	2,4	4,0	15,6	19,9	5,0	3,2	1.864
Sóc Trăng	2,5	2,8	18,8	21,5	4,8	3,2	1.718
Bạc Liêu	1,8	2,6	25,6	26,5	4,7	3,4	2.176
Cà Mau	1,8	2,5	19,7	21,3	4,8	3,2	2.063
Cả nước	4,2	7,4	23,5	25,6	4,7	2,4	2.387

Nguồn: Niên giám thống kê (2010) và *Điều tra lao động và việc làm (2011), Bảng 26, 244-246.

Bình Dương là những nơi đến thu hút nhiều nhất người nhập cư – là nơi có mức tiền lương hàng tháng tương ứng là 2.553, 3.305, 2.502 nghìn đồng, cao hơn so với mức trung bình (2.387 nghìn đồng) của cả nước, nhưng cũng là những nơi có tỉ lệ thất nghiệp cao tương ứng là 6,2%, 5,2% và 2,8%, so với tỉ lệ trung bình (2,4%).

Kết quả phân tích mô tả cho thấy sự chênh lệch về tỉ lệ thất nghiệp (2005-2010) và tiền lương (2010) giữa các tỉnh/thành tương đối lớn, biến động từ 0,4% (Lai Châu, 2010) đến 7,1% (TP.HCM, 2008). Tiền lương bình quân hàng tháng của lao động trên 2,3 triệu đồng (2010), cụ thể con số này ở TP.HCM đạt cao nhất với hơn 3,3 triệu đồng, xấp xỉ hai lần so với mức tiền lương của lao động ở tỉnh Sóc Trăng (1.718 nghìn đồng). Hiện tượng chênh lệch tiền lương giữa các địa phương nêu trên phần lớn xuất phát từ sự khác biệt về một số chỉ tiêu kinh tế-xã hội, điển hình như cơ sở hạ tầng kinh tế, quy mô dân số, trình độ dân trí của lực lượng lao động,... Thật ra, việc minh họa những địa phương trên không nhằm so sánh về tiền lương hay vấn đề thất nghiệp giữa những địa phương này, mà mục đích là để trình bày mối quan hệ giữa hai chỉ tiêu quan trọng này theo mục tiêu nghiên cứu của bài viết. Kết quả phân tích từ số liệu thống kê thể hiện sự phù hợp với lập luận của Todaro (1969) về sự tồn tại song song giữa hai yếu tố tiền lương cao và tỉ lệ thất nghiệp cao ở nơi đến. Đồng thời, kết quả kiểm định phân phối chuẩn đối với hai yếu tố này được trình bày ở Bảng 2 và nó cung cấp bằng chứng thống kê rằng biến tỉ lệ thất nghiệp (UNE) có dạng phân phối chuẩn, trong khi đó biến tiền lương (W) có phân phối lệch phải (phổ biến). Vì vậy, chúng ta có cơ sở quyết định sử dụng giá trị quan sát thực (identity) của yếu tố tỉ lệ thất

nghiệp và giá trị logarit của yếu tố tiền lương để ước lượng trong mối quan hệ với tỉ lệ nhập cư.

**Bảng 2. Kết quả kiểm định giả thuyết (H_0)
phân phối chuẩn**

Transformance	UNE [$P(\chi^2)$]	W [$P(\chi^2)$]
Cubic	0,000	0,002
Square	0,000	0,028
Identity	0,014	0,285
Square root	0,004	0,650
Log	0,000	0,933
1/(square root)	0,000	0,870
Inverse	0,000	0,534
1/square	0,000	0,075
1/cubic	0,000	0,007

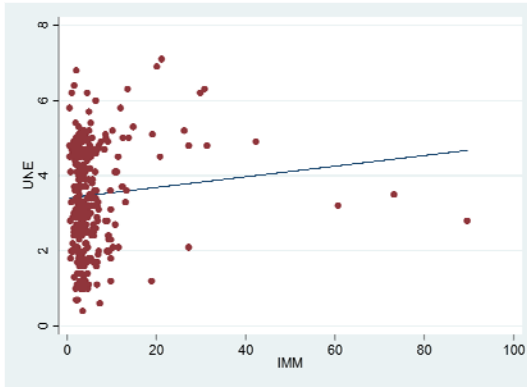
Có sự khác biệt rất lớn về tỉ lệ nhập cư giữa các tỉnh/thành trong cả nước ở giai đoạn 2005-2010, Bình Dương là nơi mà 89,6% dân số (2010) đã di cư từ các nơi khác đến, trong khi đó tỉ lệ này ở Hà Giang chưa đến 1%. Sự phát triển nhanh của các khu công nghiệp ở Bình Dương trong thời gian qua là nhân tố quan trọng thu hút hầu hết lực lượng lao động di cư từ các tỉnh/thành khác.

Phân tích từng cặp yếu tố (bi-variate) đã cung cấp một cái nhìn tổng quan về những mối quan hệ giữa các yếu tố, gồm tỉ lệ nhập cư, tỉ lệ thất nghiệp, đô thị hóa, và tiền lương. Tuy nhiên, hạn chế của nó là không thể chỉ ra được mức độ ảnh hưởng (tương quan) giữa hai yếu tố khi có sự ảnh hưởng của các yếu tố khác. Do vậy, vấn đề này sẽ được phân tích cụ thể thông qua việc sử dụng các phương trình (1-4) đã trình bày.

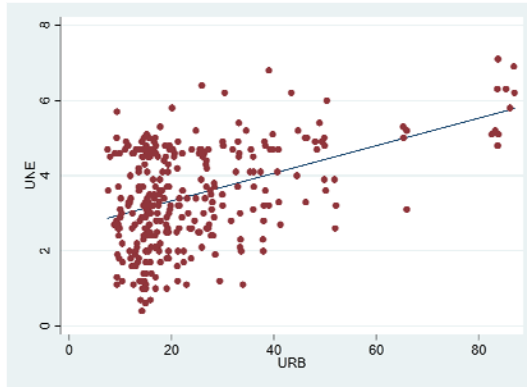
Bảng 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tiền lương

LogW	Hệ số ước lượng	Sai số	Giá trị	Mức ý nghĩa	[95% khoảng tin cậy]	
	(Coef.)	(Robust)	(t)	($P> t $)	Cận dưới	Cận trên
UNE(2010)	-0,095	0,017	-5,71	0,000	-0,128	-0,062
IMM(2010)	0,001	0,001	1,55	0,126	-0,000	0,003
URB(2010)	0,006	0,002	3,20	0,002	0,002	0,009
constant	7,841	0,034	230,82	0,000	7,773	7,909

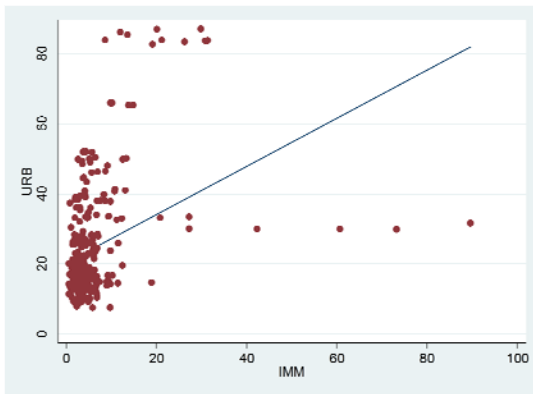
$R^2 = 0,374$, Prob > F = 0,000



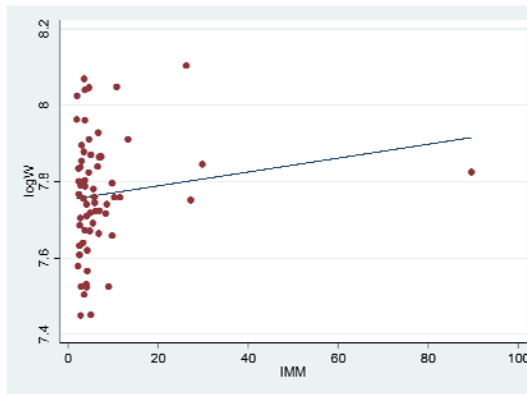
$R^2 = 0,09$ ($p_value = 0,108$)



$R^2 = 0,43$ ($p_value = 0,000$)



$R^2 = 0,37$ ($p_value = 0,000$)



$R^2 = 0,14$ ($p_value = 0,272$)

Hình 1. Tương quan giữa thất nghiệp, tiền lương, nhập cư, đô thị hóa

4. Tác động của nhập cư đến thị trường lao động - phân tích đa biến

4.1. Ảnh hưởng đến tiền lương

Các hệ số ước lượng được trình bày ở Bảng 3 thể hiện mối tương quan ý nghĩa thống kê với yếu tố tiền lương, trừ biến tỉ lệ nhập cư. Các yếu tố độc lập đã góp phần giải thích 37,4% sự biến động của tiền lương giữa các địa phương trong cả nước và ước lượng Robust cũng được thực hiện nhằm khắc phục hiện tượng phân tán phương sai (heteroskedasticity). Đáng chú ý rằng, tỉ lệ nhập cư – yếu tố quan trọng để kiểm định giả thuyết – thể hiện dấu tương quan phù hợp với giả thuyết, nhưng không có ý nghĩa thống kê khi tác động đến tiền lương. Đồng thời, tỉ lệ thất nghiệp cao tại các tỉnh/thành là nhân tố quan trọng làm giảm tiền lương trung bình của người lao

động, biểu hiện tình trạng cung vượt cầu lao động. Mức độ đô thị hóa tại các địa phương cũng là nhân tố tích cực nâng cao mức tiền lương của người lao động, kết quả này phù hợp với những phát hiện trong nghiên cứu tại các nước đang phát triển của Kojima (1996).

4.2. Ảnh hưởng đến tỉ lệ thất nghiệp

Kết quả ước lượng dựa theo phương trình (3 & 4) được trình bày ở Bảng 4, hầu hết các hệ số ước lượng thể hiện mức độ ảnh hưởng đến tỉ lệ thất nghiệp ở các mức ý nghĩa thống kê khác nhau. Trong đó, hệ số của yếu tố nhập cư ở cột 1 của Bảng 4 cho thấy rằng nhập cư không ảnh hưởng làm tăng tỉ lệ thất nghiệp ở nơi đến (như lập luận của Borjas, 1986); ngược lại, kết quả phân tích trong nghiên cứu này chỉ ra rằng tỉ lệ nhập cư cao sẽ góp phần làm giảm tỉ lệ thất nghiệp. Nghĩa là, những dòng nhập cư

Bảng 4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tỉ lệ thất nghiệp

UNE _{it}	Phương trình (3)	Phương trình (4a)
	(b/se)	(b/se)
IMM _{it}	- 0,017* (0,01)	- -
URB _{it}	0,039*** (0,00)	0,021* (0,01)
Constant	2,642*** (0,13)	2,984*** (0,30)
Wald(χ^2)	94,3	3,04
Prob > χ^2	0,000	0,081

*p<0,10, **p<0,05, ***p<0,01.

Bảng 5. Tác động của nhập cư đến thị trường lao động theo vùng

Vùng	$\frac{\partial UNE}{\partial IMM}$	$\frac{\partial UNE}{\partial URB}$	$\frac{\partial W}{\partial IMM}$
Đồng bằng sông Hồng	-0,024	0,032***	0,010
Miền núi phía Bắc	-0,101	0,024	-0,003
Duyên hải miền Trung	-0,018	0,044***	0,018*
Tây Nguyên	-0,116**	0,005	0,005
Đồng Nam Bộ	-0,013***	0,037***	0,001
Đồng bằng sông Cửu Long	-0,120**	0,017**	-0,003

*p<0,10, **p<0,05, ***p<0,01.

cũng tạo ra thị trường lao động (cả về cung lẫn cầu), tạo thêm nhiều cơ hội việc làm mới – liên quan đến người nhập cư tại nơi đến.

Kết quả phân tích thể hiện ảnh hưởng tiêu cực của quá trình đô thị hóa làm tăng dần tỉ lệ thất nghiệp tại các tỉnh/thành trong giai đoạn 2005-2010, nhưng có sự khác biệt về mức độ ảnh hưởng giữa các vùng miền trong cả nước (Bảng 5). Các tỉnh thuộc Duyên hải miền Trung và Đồng Nam Bộ có mức độ ảnh hưởng lớn hơn so với các địa phương khác về tác động của đô thị hóa đối với tỉ lệ thất nghiệp, trong đó Đà Nẵng, TP.HCM, Bình Dương là những trường hợp điển hình minh chứng cho kết quả phân tích này.

Hệ số ảnh hưởng của đô thị hóa được ước lượng theo phương trình (4a) cho thấy rằng tỉ lệ nhập cư có mối tương quan chặt chẽ với mức độ đô thị hóa và dẫn đến tác động (gián tiếp) đến tỉ lệ thất nghiệp. Kết quả chứng minh rằng hệ số của yếu tố đô thị hóa

trong phương trình (4a) nhỏ hơn so hệ số trong phương trình (3), tức là $\hat{\gamma} < \gamma$ (hay $0,021 < 0,039$).

5. Kết luận và gợi ý chính sách

Những kết quả phân tích của nghiên cứu này đã minh chứng và giải thích mối tương quan giữa những yếu tố: nhập cư, tiền lương, thất nghiệp, và đô thị hóa tại 63 tỉnh/thành của VN trong giai đoạn 2005-2010.

Nhìn chung, những kết quả ước lượng đã phản ánh phần nào sự phù hợp với lí thuyết và bằng chứng thực nghiệm về những mối quan hệ - nhập cư, tiền lương, thất nghiệp, đô thị hóa – trong bối cảnh của VN hiện nay; tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của nhập cư đối với thị trường lao động (tiền lương, thất nghiệp) không lớn so với các yếu tố khác (như đô thị hóa).

Trong thực tiễn, những phát hiện trong nghiên cứu này có thể góp phần gợi ý về thực thi chính sách liên quan đến phát triển kinh tế-xã hội, như sau:

Thứ nhất, phát triển đô thị hóa gắn liền với thực trạng thất nghiệp cao. Vấn đề này đã và đang diễn ra ở nhiều địa phương trong cả nước, bởi vì quá trình đô thị hóa thường dẫn đến bộ phận người dân chủ yếu ở khu vực nông thôn bị “đẩy” ra khỏi hoạt động sản xuất nông nghiệp (do thiếu đất) và rơi vào tình trạng thất nghiệp.

Thứ hai, chú ý thực thi chính sách thúc đẩy kinh tế (đối với doanh nghiệp sản xuất) thông qua công cụ tài chính (lãi suất, thuế) nhằm mục đích giải quyết việc làm cho người lao động. Bởi vì, tình

trạng có việc làm không những góp phần nâng cao đời sống (tiền lương) cho người lao động, mà còn làm giảm những vấn đề xã hội tại nơi đến.

Thứ ba, cần có phân tích và đánh giá vai trò của người nhập cư tại nơi đến, bởi vì họ không những góp phần tăng lượng cung lao động, mà còn là nhân tố tạo ra cầu về việc làm và dịch vụ (tiêu dùng, nhà ở, giải trí,...) tại nơi đến.

Tóm lại, những vấn đề được phân tích trên có mối tương quan chặt chẽ với nhau như một hệ thống – nhập cư, đô thị hóa, thất nghiệp, tiền lương, do đó việc thực thi chính sách đối với một nhân tố nào đó trong hệ thống sẽ tác động đến các nhân tố khác cùng thay đổi ■

CHÚ THÍCH

[1] Phần trăm dân số thành thị trong tổng dân số

[2] Mức độ đô thị hóa của tỉnh Hà Tây (2007) chỉ là 10,5%, so với Hà Nội (65,2%) cùng thời điểm

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Borjas, G.J. (1986), "The Self-Employment Experience of Immigrants ", *The Journal of Human Resource* 21: 485-506.

"Economic Theory and International Migration", *International Migration Review*:457-485.

The Impact of Immigration on the Labor Market in Conference on Labor and Capital Flows in Europe Following Enlargement, International Monetary Fund, the Joint Vienna Institute, and the National Bank of Poland.

Borjas, G.J., R.B. Freeman, & L.F. Katz. (1996), "Searching for the Effect of Immigration on the Labor Market," *National Bureau of Economic Research*.

Cameron, A.C. (2005), *Microeconometrics: Methods and Applications*: Cambridge University Press.

Chatterjee, S. & A.S. Hadi (2006), *Regression Analysis by Example*, vol. 607: LibreDigital.

Kojima, R. 1996. "Introduction: Population Migration and Urbanization in Developing Countries." *The Developing Economies* 34:349-369

Lee, S E. (1966), "A Theory of Migration," *Demography* 3:47-57.

Lewis, A W. (1954), "Economic Development with Unlimited Supplies of Labor," Manchester School, Manchester.

Massey, D.S., J. Arango, G. Hugo, A. Kouaouci, A. Pellegrino, & J.E. Taylor (1993), "Theories of International Migration: A Review and Appraisal," *Population and Development Review* 19:431-466.

Orrenius, P.M. & M. Zavodny, (2007), "Does Immigration Affect Wages? A Look at Occupation-Level Evidence," *Labour Economics* 14:757-773.

Report on the 2010 Vietnam Labor Force Survey (2011), Hà Nội, Vietnam: Statistical Publisher.

Todaro, P M. (1969), "A Model of Labor Migration and Urban Unemployment in Less Developed Countries," *The American Economic Review* 59:138-148.

VGSO (2010), "Migration and Urbanization in Vietnam: Patterns, Trends and Differentials," in *The 2009 Population Census*, Hà Nội, Vietnam: Statistical Publisher (2011), "Report on the 2010 Vietnam Labor Force Survey," (2001), Hà Nội, Vietnam: Statistical Publisher.